TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **263**/2017/DS-PT
Ngày: 31/10/2017
V/v: "yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư
Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của
Ông Bùi Thế Xương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2017/TLPT-DS ngày 10/10/2017 về "*Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2017/QĐ-PT ngày 13/10/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Bà Cao Thị L, sinh năm 1943 (có mặt)

1.2 Bà Trần Thị Th, sinh năm 1968 (có mặt)

1.3 Bà Võ Kim T, sinh năm 1982 (có mặt)

1.4 Bà Phan Thị R, sinh năm 1942 (vắng mặt)

Bà Phan Thị R uỷ quyền cho ông Bùi Văn V, sinh năm 1969 (có mặt)

Cùng trú tại: ấp K, xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị L: bà Đỗ Thị Tr – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị R: ông Nguyễn Văn Th1 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Phan Thị B , sinh năm 1947 (có mặt)

2.2 Ông Phan Văn P, sinh năm 1975 (vắng mặt)

2.3 Bà Phan Thị L1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

2.4 Bà Phan Thị G, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Cùng trú tại: ấp K, xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị B: Luật sư Nguyễn Đình Pc, văn phòng luật sư Nguyễn Đình Pc Thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Phan Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai, biên bản hoà giải, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên Tòa nguyên đơn Cao Thị L, Trần Thị Th, Võ Kim T và người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị R là ông Bùi Văn V trình bày:

Các nguyên đơn có đất và nhà Thuộc các thửa 67, 68, 70, 239 cùng tờ bản đồ số 04 toạ lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. 04 thửa đất trên của 04 nguyên đơn giáp với thửa đất số 112 tờ bản đồ số 4 xã T của hộ Phan Thị B và đất bà B giáp đường lộ công cộng. Từ khi được Nhà nước cấp đất là năm 1986 các nguyên đơn Cao Thị L, Phan Thị R đi ra đường công cộng là đi qua đất của bà B. Đến tháng 6/2016 bà B kéo dây chì rào bít đường không cho đi. Do không có đường đi nên các nguyên đơn có nhờ chính quyền giải quyết để có lối đi nhưng không thành. Đây là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất để đi ra đường công cộng và để kéo đường điện nước sinh hoạt vào nhà các nguyên đơn. Vì vậy 04 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn mở lại lối đi cũ để các nguyên đơn có đường đi ra đường công cộng. Theo bản vẽ thì lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở trên đất của bà B có chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m có tổng diện tích là 53,8m^2, trên phần đất này thì bà B đã xây hàng rào lưới b40, cột bê tông, kéo nhà tiền chế, sân xi măng và cổng ra vào. Đối với đất thì các nguyên đơn trả lại giá trị đất cho bị đơn theo định giá của hội đồng định giá thì đất tranh chấp có giá 180.000đ/m^2, thành tiền là 9.684.000đ và trả hỗ trợ 30% giá trị tài sản có trên đất cho bị đơn thành tiền là 8.535.600đ, vì tài sản này bị đơn xây cất khi đã tranh chấp.

Theo bản tự khai ngày 27/12/2016 cũng như tại phiên Tòa bị đơn Phan Thị B trình bày:

Phần đất của bà Thuộc thửa 112, tờ bản đồ số 4 có nguồn gốc là đất nhà nước cấp để làm ruộng, do đất gò trồng lúa không được nên bà lên bờ để trồng dừa. Giáp đất với bà là đất ông Lê Văn N, ông N cũng lên bờ cập vào bờ dừa đất để bà trồng dừa, thấy bờ ruộng rộng nên các hộ bà Cao Thị L, Trần Thị Th, Phan Thị R cùng đi trên đất bờ dừa này của bà và ông N, còn Kim T thì mới mua đất bà L, chứ T không có nhà trong nên T không có đi. Cách đây mấy năm thì vợ chồng ông N có kêu hùn nhau để đổ đá trán xi măng làm đường đi chung trên lối đi này nhưng các nguyên đơn không nói gì cả, do vậy vợ chồng ông N mới đổ đá tráng đường bên ranh đất khác của ông làm lối đi vô nhà ông, đồng thời ông kéo dây chì và cất nhà làm hàng rào bao quanh đất ông sát với đất nhà bà. Từ đó các nguyên đơn đi toàn bộ trên đất bà, trời mưa chảy làm đất bà thành đường nước. Mặt khác bà thấy nhà bà giáp lộ, con cháu hay chạy ra lộ nguy hiểm và để bảo vệ tài sản nên bà nói với bà L, bà Th là bà rào đất làm cửa rào trên lối đi, ban ngày thì mở suốt, ban đêm đến giờ cố định sẽ đóng cửa để bảo quản tài sản và tính mạng người thân gia đình. Bà sẽ đưa cho nguyên đơn chìa khoá để các nguyên đơn tiện sử dụng khi có nhu cầu nhưng các nguyên đơn không nói gì, sau đó vài ngày thì có thư của xã mời bà giải quyết yêu cầu bà mở lối đi. Bà thấy các nguyên đơn không hề nói bà tiếng nào mà lại thưa bà ra chính quyền là không có tình nghĩa nên bà không đồng ý mở lối đi. Nay các nguyên đơn tiếp tục khởi kiện yêu cầu mở lối đi trên đất bà không đồng ý, vì đất đã cất nhà, làm nhà tiền chế, không còn khoảng trống để mở lối đi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Cao Thị L trình bày: Qua hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên toà xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ bởi phần đất của nguyên đơn bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề và lối đi yêu cầu mở là lối đi có từ xưa đến nay không có tranh chấp, là lối đi duy nhất và Thuận tiện nhất nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 254 Bộ luật dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Phan Thị R trình bày: Phần đất tranh chấp do nhà nước giao cấp cho bà R, bà L và bà Điệp, khi giao có lối đi chung, trước là bà R, bà L đi sau này có bà Th và bà T mua đất của bà L thì cũng sử dụng lối đi này không có tranh chấp. Hiện bà B đã rào đường đi này nên các nguyên đơn không có đường nào khác để đi ra đường công cộng do đó đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 254 Bộ luật dân sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri quyết định:

Áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Buộc bị đơn Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1, Phan Thị G phải di dời tài sản gồm hàng rào, cổng rào và mái che tiền chế mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích qua đo đạc thực tế với chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m, tổng diện tích là 53,8m^2 (theo phần 9 của hoạ đồ ngày 7/6/2017) Th1ộc một phần thửa 112, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có hoạ đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Ba Tri đo đạc và ký duyệt ngày 7/6/2017 kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện bồi hoàn toàn bộ giá trị đất của nguyên đơn theo định giá thành tiền là 9.684.000đ và 30% giá trị tài sản theo định giá thành tiền là 8.535.600đ cho bị đơn Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1, Phan Thị G. Tổng số tiền tự nguyện bồi hoàn cho bị đơn Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1, Phan Thị G là 18.219.600đ (mười tám triệu hai trăm mười chín ngìn sáu trăm đồng).

2. Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định là 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng) các nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/7/2017 bà Phan Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp Pc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên Toà Phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị B vẫn giữa quan điểm kháng cáo không đồng ý di dời tài sản gồm hàng rào, cổng rào và mái che tiền chế mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích qua đo đạc thực tế với chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m, tổng diện tích là 53,8m^2, Thuộc một phần thửa 112, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Các nguyên đơn vẫn giữ quan điểm khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị B trình bày: Bà B kháng cáo bản án sơ thẩm là vì phần đất của bà B có nguồn gốc là của Nhà nước cấp, nhà bà giáp lộ nên không đảm bảo an ninh. Lối đi tranh chấp không phải là lối đi duy nhất. Hiện tại, ông N đồng ý cho các nguyên đơn đi nhờ trên đất theo sự chỉ dẫn của ông N. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà B, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của các nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị L trình bày: Kháng cáo của bà B là không có cơ sở. Đất bà L bị bao bọc bởi đất bà B, các hộ có phần đất bên trong không còn một lối đi nào khác để đi ra đường công cộng. Các nguyên đơn đi

trên lối đi này từ trước đến nay không có ai tranh chấp. Do đó, bản án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn vẹn. Đề nghị HĐXX y án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị R trình bày: Ông N đồng ý mở lối đi cho các nguyên đơn sau phiên toà sơ thẩm là có điều kiện và không rõ ràng, không cụ thể như thế nào, vị trí ở đâu do vậy không thể chấp nhận. Bà B làm cổng rào thì chỉ giao chìa khoá cho hai người. Bà R và bà B đã có mâu Th1ẫn từ trước nên bà B không cho bà R đi. Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở có từ lâu đời, ổn định. Đến năm 2016 khi có mâu Th1ẫn thì bà B rào lối đi, các nguyên đơn không có lối đi nào khác nên đồng ý bồi thường. Lời khai của người làm chứng, biên bản xác minh, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đều thể hiện đất của các nguyên đơn bị vây bọc bởi bất động sản liền kề. Trên lối đi có các cọc bê tông, hàng rào và mái nhà tiền chế có chiều cao khoảng 03 mét nên không cần phải di dời. Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà B, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải mởi lối đi cho các nguyên đơn nhưng không cần phải di dời tài sản trên lối đi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ nhận thấy: các thửa 67, 68, 70, 239 cùng tờ bản đồ số 04 toạ lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre của các nguyên đơn giáp với thửa đất số 112 tờ bản đồ số 04 xã T của hộ Phan Thị B và đất bà B giáp đường lộ công cộng. Từ khi được Nhà nước cấp đất là năm 1986 các nguyên đơn Cao Thị L, Phan Thị R đi ra đường công cộng là đi qua đất của bà B. Đến tháng 6/2016 bà B kéo dây chì rào bít đường không cho đi. Đây là lối đi duy nhất và Thuận tiện nhất để đi ra đường công cộng và để kéo đường điện nước sinh hoạt vào nhà các nguyên đơn. Vì vậy 04 nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn mở lại lối đi cũ để các nguyên đơn có đường đi ra đường công cộng. Theo bản vẽ thì lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở trên đất của bà B có chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m có tổng diện tích là 53,8m^2, trên phần đất này thì bà B đã xây hàng rào lưới b40, cột bê tông, kéo nhà tiền chế, sân xi măng và cổng ra vào. Bà B không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn vì bà cho rằng đất đã cất nhà, làm nhà tiền chế, không còn khoảng trống để mở lối đi.

Căn cứ vào hoạ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ba Tri đo vẽ ngày 06/7/2017 và lời trình bày của các đương sự nhận

thấy các thửa đất số 67, 68, 70, 239 tờ bản đồ số 04 toạ lạc tại xã T bị vây bọc bởi bất động sản liền kề là thửa đất số 112 tờ bản đồ số 04 xã T của hộ bà Phan Thị B. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hộ bà Cao Thị L và Phan Thị R sử dụng lối đi tranh chấp từ năm 1986. Sau này có thêm gia đình bà Trần Thị Th, bà Võ Kim T cùng sử dụng lối đi. Các nguyên đơn sử dụng lối đi từ xưa ổn định, không có tranh chấp gì và là lối đi duy nhất, Thuận tiện nhất để các nguyên đơn đi ra đường công cộng. Đến tháng 6/2016 có mâu Thuẫn thì bà B mới bít lối đi nên xảy ra tranh chấp. Toà án cấp sơ thẩm có yêu cầu bà B cung cấp chứng cứ để chứng minh lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu mở là không có từ trước và hiện nay nguyên đơn có lối đi khác để đi thì bà B không chứng minh được.

Tại cấp phúc thẩm, bà B có cung cấp "Giấy cho mở lối đi" đề ngày 03/8/2017 của ông Lê Văn N với nội dung ông N đồng ý cho các nguyên đơn đi nhờ trên đất của ông N theo chỉ dẫn của ông với lối đi có chiều ngang 0,5m. Tuy nhiên, căn cứ vào hoạ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì lối đi trên đất của bà B có chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m có tổng diện tích là 53,8m^2 là lối đi đã được các nguyên đơn sử dụng ổn định từ lâu và là Thuận tiện, hợp lý nhất cho các nguyên đơn trong sinh hoạt hàng ngày. Còn lối đi theo sự chỉ dẫn của ông N là không rõ ràng, không có vị trí cụ thể và phải băng qua thửa đất của ông N nên sẽ rất khó khăn. Do đó án sơ thẩm buộc bà B mở lối đi là có cơ sở.

Trong đơn kháng cáo bà B bổ sung đề ngày 03/8/2017 bà B từ chối nhận số tiền 18.219.600 đồng mà các nguyên đơn tự nguyện bồi hoàn. HĐXX xét thấy mở lối đi như án sơ thẩm là Thuận tiện nhất cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, trên đất bà B có xây hàng rào, mái che tiền chế có chiều cao 03m, do đó mái che tiền chế không ảnh hưởng đến lối đi nên không cần phải di dời. Đối với hàng rào nằm sát đất ông N là cần thiết để bảo vệ đất bà B nên các nguyên đơn sử dụng lối đi phải có nghĩa vụ bồi hoàn chi phí xây mới hàng rào, nền đan, cửa rào cho bà B. Phía nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi hoàn cho bị đơn các khoản sau: tiền đất trị giá là 9.684.000 đồng; hàng rào trị giá 17.630.000 đồng, nền đan xi măng có trị giá là 3.217.000 đồng và cổng rào trị giá 1.170.000 đồng. Tổng giá trị các khoản tiền mà các nguyên đơn Cao Thị L, Trần Thị Th, Võ Kim T và Phan Thị R phải bồi hoàn cho các bị đơn Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1 và Phan Thị G là 31.701.000đ (ba mươi mốt triệu bảy trăm lẻ một ngàn đồng). Do đó cấp Pc thẩm cần sửa án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

Từ những nhận định trên thấy rằng kháng cáo của bà Phan Thị B là có cơ sở chấp nhận một phần.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà B không phải nộp án phí dân sự Pc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Phan Thị B, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2017/DS-ST ngày 20/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Cụ thể tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Cao Thị L, Trần Thị Th, Võ Kim T và Phan Thị R với bị đơn là Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1 và Phan Thị G.

1. Buộc bị đơn Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1, Phan Thị G phải mở lối đi qua bất động sản liền kề có diện tích qua đo đạc thực tế với chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m, tổng diện tích là 53,8m^2 (theo phần 9 của hoạ đồ ngày 7/6/2017) Th1ộc một phần thửa 112, tờ bản đồ số 4, toạ lạc tại xã T, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có hoạ đồ hiện trạng thửa đất do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Ba Tri đo đạc và ký duyệt ngày 7/6/2017 kèm theo).

Các nguyên đơn Cao Thị L, Trần Thị Th, Võ Kim T và Phan Thị R phải bồi hoàn cho các bị đơn Phan Thị B, Phan Văn P, Phan Thị L1 và Phan Thị G là 31.701.000đ (ba mươi mốt triệu bảy trăm lẻ một ngàn đồng).

Bà Phan Thị B được làm lại hàng rào mới từ phía bên giáp đất ông Lê Văn N về phía đất của bà Phan Thị B với chiều ngang 1,1m, chiều dài 44,89m, tổng diện tích là 53,8m^2 để các nguyên đơn làm lối đi.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định là 5.100.000đ (năm triệu một trăm ngàn đồng) các nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Phan Thị B, Phan Thị L1, Phan Thị G và Phan Văn P phải nộp là 484.200đ (bốn trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

Bà Trần Thị Th, bà Võ Kim T, bà Phan Thị R phải nộp án phí 1.585.000đ (một triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai Th1 số 0003661 ngày 15/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Bà Trần Thị Th, Võ Kim T, Phan Thị R phải nộp thêm tiền án phí là 1.385.000đ (một triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn đồng). Bà Cao Thị L được miễn án phí vì Th1ộc diện hộ nghèo.

4. Bà Phan Thị B không phải chịu án phí dân sự Pc thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị B số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai Th1 số 0007426 ngày 31/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th1ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Bến Tre;*
- *TAND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Phòng GĐKT;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư